

1

+ Ông Nguyễn Thành V1 năm 1982. Địa chỉ: K, đường V, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Nay là phường R, tỉnh An Giang)

+ Bà Nguyễn Thị T1sinh năm 1992. Địa chỉ: Số A, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Nay là phường R, tỉnh An Giang)

+ Bà Thi M1 H1sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ H, khu phố C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (Nay là phường H, tỉnh An Giang)

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Đình T1 đối tượng cho vay tiền góp. Từ khoảng tháng 6/2024 đến tháng 12/2024, Trần Đình T2 cho nhiều người vay tiền với số tiền và lãi suất thoả thuận cụ thể như sau:

1. Trần Đình T2 cho Nguyễn Thị T1vay tiền bằng hình thức “tiền góp ngày”, cụ thể như sau:

Từ ngày 25/9/2024 đến ngày 07/12/2024, T3 nhiều lần cho Nguyễn Thị T1vay tiền bằng hình thức “tiền góp ngày” (vay thanh toán tiền gốc và lãi hằng ngày) với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng, mỗi ngày góp từ 700.000 đồng đến 2.100.000 đồng (tương ứng với mức vay từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng), góp trong vòng 19 ngày, lãi suất cho vay là 1,74%/ngày, tương đương 635,1%/năm (*gấp 31,7 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự*). Đến ngày 23/12/2024, T2 thu tổng cộng số tiền lãi là 66.000.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép thu là 2.082.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 78.217.808 đồng (đã bao gồm 14.300.000 đồng tiền phí “dịch vụ” đã thu trái pháp luật).

2. Trần Đình T4 Đặng Thị H2 tiền bằng hình thức “tiền góp ngày”, cụ thể như sau:

Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/8/2024, T3 nhiều lần cho Đặng Thị H2 tiền bằng hình thức “tiền góp ngày” (vay thanh toán tiền gốc và lãi hằng ngày) với tổng số tiền vay là 210.000.000 đồng, mỗi ngày góp từ 1.400.000 đồng đến 2.400.000 đồng (tương ứng với mức vay từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng), góp trong vòng từ 19-21 ngày, lãi suất cho vay từ 1,24 đến 1,74%/ngày, tương đương 452,6 đến 635,1%/năm (*gấp 22,6 đến 31,7 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự*). Đến ngày 14/8/2024, T2 thu tổng cộng số tiền lãi là 47.580.952 đồng, trong đó tiền lãi cho phép thu là 2.021.918 đồng, thu lợi bất chính số tiền 56.259.035 đồng (đã bao gồm 10.700.000 đồng tiền phí “dịch vụ” đã thu trái pháp luật).

3. Trần Đình Tcho T5 M1H1vay tiền bằng hình thức “tiền góp ngày”, cụ thể như sau:

Từ ngày 23/11/2024 đến ngày 06/12/2024, T6 lần cho T5 M1H1 vay tiền bằng hình thức “tiền góp ngày” (vay thanh toán tiền gốc và lãi hằng ngày) với tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, mỗi ngày góp 1.400.000 đồng (tương ứng với mức vay 20.000.000 đồng), góp trong vòng 19 ngày, lãi suất cho vay từ 1,74%/ngày, tương đương 635,1%/năm (*gấp 31,7 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự*). Đến ngày 17/12/2024, T2 thu tổng cộng số tiền lãi là 11.115.789 đồng, trong đó tiền lãi cho phép thu là 350.685 đồng, thu lợi bất chính số tiền 15.165.105 đồng (đã bao gồm 4.400.000 đồng tiền phí “dịch vụ” đã thu trái pháp luật).

4. Trần Đình Tcho Nguyễn Thành V2 tiền bằng hình thức “tiền góp ngày”, cụ thể như sau:

Từ ngày 27/8/2024 đến ngày 25/11/2024, T3 nhiều lần cho Nguyễn Thành V2 tiền bằng hình thức “tiền góp ngày” (vay thanh toán tiền gốc và lãi hằng ngày) với tổng số tiền vay là 260.00.000 đồng, mỗi ngày góp từ 1.200.000 đồng - 1.800.000 đồng (tương ứng với mức vay từ 20.000.000 đồng – 30.000.000 đồng), góp trong vòng 22 ngày, lãi suất cho vay từ 1,45%/ngày, tương đương 529,25%/năm (*gấp 26,5 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự*). Đến ngày 16/12/2024, T2 thu tổng cộng số tiền lãi là 83.200.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép thu là 3.134.247 đồng, thu lợi bất chính số tiền 94.565.753 đồng (đã bao gồm 14.500.000 đồng tiền phí “dịch vụ” đã thu trái pháp luật).

Việc đáo hạn khoản vay được thực hiện như sau: Trong thời gian vay tiền, nếu không có khả năng đóng thêm gốc và lãi của khoản vay thì người vay sẽ thỏa thuận với Tuy được đáo hạn khoản vay đó. Khi thực hiện đáo hạn khoản vay, Tuy sẽ cản trừ tất cả số tiền gốc và lãi mà người vay còn nợ ở khoản vay trước, số tiền còn lại T7 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của người vay để được vay khoản vay mới, xem như đã đóng đủ toàn bộ số tiền gốc và lãi của khoản vay trước đó. Trong thời gian cho vay tiền, Tuy sử dụng số tài khoản ngân hàng [TRAN DINH TUY – T32833999999999] để chuyển tiền vay cho những người vay; sử dụng các số tài khoản ngân hàng [TRAN DINH TUY – M26162636899999] và [TRAN DINH TIEN – M20866819997] để nhận tiền gốc và lãi từ người vay. Tuy và những người vay thường xuyên nhắn tin, gọi điện để trao đổi và thỏa thuận với nhau qua ứng dụng Zalo (Tuy sử dụng 02 tài khoản Zalo tên “Voi” và “Bé D

Quá trình điều tra, T2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. 20/01/2025, Trần Đình T8 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có 03 lần thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, mỗi lần thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng

trở lên (đối với các người vay Đặng Thị H, Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị T9

** Việc thu giữ tài liệu, đồ vật:*

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu vàng Gold, số máy: MWH12LL/A, số seri: FCHD71E6N70F, số IMEI: 35 283811 445468 6, số IMEI 2: 35 283811 444591 6, không gắn sim, đã qua sử dụng.

- 01 (một) công văn phúc đáp của T3 chi nhánh H3 về tài khoản [TRAN DINH TUY – T328339999999999]; 01 (một) công văn phúc đáp của ngân hàng Q chi nhánh H3 về tài khoản [TRAN DINH TUY – M261626368999999]; 01 (một) công văn phúc đáp của S chi nhánh K về tài khoản [NGUYEN THI TRANG – S070132679833]; 01 (một) bản sao kê tài khoản [DANG THI HA – S070040544151], từ ngày 01/6/2024 đến ngày 30/9/2024; 01 (một) bản sao kê tài khoản [THI MY HANH – V10091000581338], từ ngày 15/11/2024 đến ngày 01/01/2025; 01 (một) công văn phúc đáp của V1 chi nhánh K về tài khoản [THI MY HANH – V10091000581338]; 01 (một) bản sao kê tài khoản [NGUYEN THI TRANG – S070132679833], từ ngày 01/9/2024 đến ngày 26/12/2024; 01 (một) bản sao kê tài khoản [NGUYEN THANH VAN – OCB: 682244], từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/12/2024; 01 (một) bản sao kê tài khoản [NGUYEN THANH VAN – M20908986631], từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/12/2024; 01 (một) bản sao kê tài khoản [NGUYEN THANH VAN – B7500318737], từ ngày 20/8/2024 đến ngày 20/12/2024; 118 (một trăm mười tám) tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn giữa Trần Đình T và Nguyễn Thành V3 trích xuất từ điện thoại di động của Nguyễn Thành V4 biên bản kiểm tra và trích xuất dữ liệu di động ngày 04/01/2025; 05 (năm) tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn giữa Trần Đình T và T10 M1 H1 được trích xuất từ điện thoại di động của Thi M1 H1 tại biên bản kiểm tra và trích xuất dữ liệu di động ngày 01/01/2025; 51 (năm mươi một) tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn giữa Trần Đình T và T10 M1 H1 được trích xuất từ điện thoại di động của Trần Đình T11 biên bản kiểm tra và trích xuất dữ liệu di động ngày 29/12/2024; 75 (bảy mươi lăm) tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn giữa Trần Đình T12 Nguyễn Thị T1 được trích xuất từ điện thoại di động của Trần Đình T11 biên bản kiểm tra và trích xuất dữ liệu di động ngày 28/12/2024; 10 (mười) tờ giấy A4 có nội dung tin nhắn giữa Trần Đình T12 Nguyễn Thị T1 được trích xuất từ điện thoại di động của Nguyễn Thị T1 tại biên bản kiểm tra và trích xuất dữ liệu di động ngày 27/12/2024. (Tất cả đã được lưu vào hồ sơ vụ án)

Tại bản Cáo trạng số: 156/CT-VKSRG ngày 18/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang) đã truy tố bị cáo Trần Đình T về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- *Về điều luật áp dụng và hình phạt:* Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Đình T phạt tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

- *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng.

* Về xử lý vật chứng: *Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:*

- *Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:* 1 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu vàng Gold, số máy: MWH12LL/A, số seri: FCHD71E6N70F, số IMEI: 35 283811 445468 6, số IMEI 2: 35 283811 444591 6, không gắn sim, đã qua sử dụng.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 105/QĐ-VKS, ngày 18/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang).

* Về biện pháp tư pháp: *Áp dụng khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, đề nghị:*

- Buộc bị cáo Trần Đình T13 lại cho những người vay số tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm và các khoản thu trái pháp luật mà T2 thu với tổng số tiền là 244.207.699 đồng (Trong đó trả lại cho: Đặng Thị H3 tiền là 56.259.034 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị T1 số tiền là 78.217.808 đồng; trả lại cho Nguyễn Thành V5 tiền là 94.565.753 đồng và trả lại cho T10 M1 H1 số tiền là 15.165.104 đồng). Bị cáo được khấu trừ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000098 ngày 05/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

- Buộc bị cáo Trần Đình T14 nộp và sung quỹ Nhà nước số tiền gốc cho vay đã thu hồi xong, vì đây là phương tiện phạm tội của T2 tổng số tiền là 671.303.259 đồng (trong đó: đã thu của Đặng Thị H3 tiền là 177.619.048 đồng; đã thu của Nguyễn Thành V5 tiền là 260.000.000 đồng; đã thu của Nguyễn Thị T1 số tiền là 200.000.000 đồng; đã thu của T10 M1 H1 số tiền là 33.684.211 đồng).

- Buộc bị cáo Trần Đình T15 nộp và sung quỹ Nhà nước số tiền lãi ở mức lãi suất 20%/năm đã thu của những người vay, tổng số tiền là 7.589.042 đồng, do đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm (trong đó: đã thu của Nguyễn Thị T1 số tiền là 2.082.192 đồng;

đã thu của Đặng Thị H3 tiền là 2.021.918 đồng; đã thu của T10 M1 H1 số tiền là 350.685 đồng và đã thu của Nguyễn Thành V5 tiền là 3.134.247 đồng).

- Buộc những người vay phải giao nộp số tiền gốc đã vay mà Trần Đình T16 thu hồi xong để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội của Tuy. Tổng số tiền là 38.696.741 đồng, gồm: Đặng Thị H3 tiền gốc chưa thanh toán là 32.380.952 đồng và Thi M1 H1 số tiền gốc chưa thanh toán là 6.315.789 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Đình T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đã truy tố, bị cáo xin giảm mức phạt tiền và không có ý kiến gì khác.

Luật sư Võ Văn M2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng T17 H2 trình bày quan điểm: Thống nhất với nội dung Cáo trạng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Về biện pháp tư pháp, yêu cầu bị cáo hoàn trả lại cho bà Đặng Thị H3 tiền lãi thu vượt mức là 56.259.034 đồng để bà H4 nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo nhưng chưa trả là 32.380.952 đồng.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo đã nhận biết được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các tài liệu, đồ vật đã thu giữ và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Với mục đích cho vay lãi nặng để tìm kiếm lợi nhuận, thu lợi bất chính. Từ khoảng tháng 6/2024 đến tháng 12/2024, Trần Đình T2 cho N Mỹ H Thành V tiền bằng

hình thức “tiền góp ngày” (vay thanh toán gốc và lãi hằng ngày) với lãi suất từ 1,24 - 1,74%/ngày, tương đương từ 452,6 - 635,1%/năm (gấp 22,6 – 31,7 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự). Trần Đình T2 thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng từ Nguyễn Thị T1 số tiền là 78.217.808 đồng; Đặng Thị H3 tiền là 56.259.035 đồng; T10 M1H1 số tiền là 15.165.105 đồng và Nguyễn Thành V5 tiền là 94.565.753 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 244.207.699 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Đình T18 yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm quy định của pháp luật và sẽ bị xử phạt, nhưng vì háms lợi mà vẫn bất chấp mọi hậu quả xảy ra để thực hiện bằng được hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, về giới hạn lãi suất cho vay và xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 đồng là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu của những người vay nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] *Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.*

Xét thấy, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng; có 01 tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1 và có tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi

lượng. Đồng thời, nhận thấy bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, không có người đồng phạm, không hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận. Về mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo phạt tiền 400.000.000 đồng là tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định trên. Đồng thời, trong vụ án này đã tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền mà bị cáo phạm tội khoảng 01 tỷ đồng (bao gồm cả gốc và lãi), nên HĐXX giảm số tiền bị cáo bị xử phạt là phù hợp, cũng đủ răn đe, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị H5 việc yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho bà H3 tiền lãi thu vượt mức là 56.259.034 đồng để bà H4 nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo nhưng chưa trả là phù hợp, nên được chấp nhận.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội: 1 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu vàng Gold, số máy: MWH12LL/A, số seri: FCHD71E6N70F, số IMEI: 35 283811 445468 6, số IMEI 2: 35 283811 444591 6, không gắn sim, đã qua sử dụng.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 105/QĐ-VKS, ngày 18/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang).

[8.2] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

+ Buộc bị cáo Trần Đình T13 lại cho những người vay số tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm và các khoản thu trái pháp luật mà bị cáo đã thu của những người vay, cụ thể: trả lại cho Đặng Thị H3 tiền là 56.259.034 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị T1 số tiền

là 78.217.808 đồng; trả lại cho Nguyễn Thành V5 tiền là 94.565.753 đồng và trả lại cho T10 M1 H1 số tiền là 15.165.104 đồng. Tổng số tiền là 244.207.699đ (Hai trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng). Bị cáo được khấu trừ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000098 ngày 05/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

+ Buộc bị cáo Trần Đình T15 nộp và sung quỹ Nhà nước số tiền gốc cho vay đã thu hồi xong, tổng số tiền là 671.303.259đ (Sáu trăm bảy mươi một triệu ba trăm lẻ ba nghìn hai trăm năm mươi chín đồng), vì đây là phương tiện để bị cáo phạm tội (trong đó: đã thu của Đặng Thị H3 tiền là 177.619.048 đồng; đã thu của Nguyễn Thành V5 tiền là 260.000.000 đồng; đã thu của Nguyễn Thị T1 số tiền là 200.000.000 đồng; đã thu của T10 M1 H1 số tiền là 33.684.211 đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Đình T15 nộp và sung quỹ Nhà nước số tiền lãi ở mức lãi suất 20%/năm đã thu của những người vay, gồm: Nguyễn Thị T1 số tiền là 2.082.192 đồng; đã thu của Đặng Thị H3 tiền là 2.021.918 đồng; đã thu của T10 M1 H1 số tiền là 350.685 đồng và đã thu của Nguyễn Thành V5 tiền là 3.134.247 đồng. Tổng số tiền là 7.589.042đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng), do đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm.

+ Buộc những người vay phải giao nộp số tiền gốc đã vay của bị cáo Trần Đình T19 chưa thu hồi xong để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội của bị cáo, gồm: Đặng Thị H3 tiền gốc chưa thanh toán là 32.380.952 đồng và Thi M1 H1 số tiền gốc chưa thanh toán là 6.315.789 đồng. Tổng cộng là 38.696.741đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng).

[8.3] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh đối với bị cáo:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình T (V phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo:

Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình T (V250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội:
1 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu vàng Gold, số máy: MWH12LL/A, số seri: FCHD71E6N70F, số IMEI: 35 283811 445468 6, số IMEI 2: 35 283811 444591 6, không gắn sim, đã qua sử dụng. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 105/QĐ-VKS, ngày 18/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang).

4. Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo Trần Đình T13 lại cho những người vay số tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm và các khoản thu trái pháp luật mà bị cáo đã thu của những người vay, cụ thể: trả lại cho Đặng Thị H3 tiền là 56.259.034 đồng; trả lại cho Nguyễn Thị T1 số tiền là 78.217.808 đồng; trả lại cho Nguyễn Thành V5 tiền là 94.565.753 đồng và trả lại cho T10 M1 H1 số tiền là 15.165.104 đồng. Tổng số tiền là 244.207.699đ (Hai trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng). Bị cáo được khấu trừ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000098 ngày 05/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

+ Buộc bị cáo Trần Đình T15 nộp và sung quỹ Nhà nước số tiền gốc cho vay đã thu hồi xong, tổng số tiền là 671.303.259đ (Sáu trăm bảy mươi một triệu ba trăm lẻ ba nghìn hai trăm năm mươi chín đồng), vì đây là phương tiện để bị cáo phạm tội (trong đó: đã thu của Đặng Thị H3 tiền là 177.619.048 đồng; đã thu của Nguyễn Thành V5 tiền là 260.000.000 đồng; đã thu của Nguyễn Thị T1 số tiền là 200.000.000 đồng; đã thu của T10 M1 H1 số tiền là 33.684.211 đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Đình T15 nộp và sung quỹ Nhà nước số tiền lãi ở mức lãi suất 20%/năm đã thu của những người vay, gồm: Nguyễn Thị T1 số tiền là 2.082.192 đồng; Đặng Thị H3 tiền là 2.021.918 đồng; Thi M1 H1 số tiền là 350.685 đồng và Nguyễn Thành V5 tiền là 3.134.247 đồng. Tổng số tiền là 7.589.042đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

+ Buộc những người vay phải giao nộp số tiền gốc đã vay của bị cáo Trần Đình T19 chưa thu hồi xong để sung quỹ Nhà nước, vì đây là phương tiện phạm tội của bị cáo, gồm: Đặng Thị H3 tiền gốc chưa thanh toán là 32.380.952 đồng và Thi M1 H1 số tiền gốc chưa thanh toán là 6.315.789 đồng. Tổng cộng là 38.696.741đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Đình T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 1-An Giang;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 1-An Giang;
- Công an P. Rạch Giá;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa